ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /KH-UBND	*Đại Đồng, ngày 11 tháng 8 năm 2025*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đại Đồng

Căn cứ Kế hoạch số 386-KH/TU ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến và triển khai kịp thời, có hiệu quả quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 57-NQ/TW và các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được giao trong Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 386-KH/TU ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của của Ủy ban nhân dân tỉnh. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong toàn xã về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

b) Xác định các nội dung nhiệm vụ để hiện thực các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 386-KH/TU của Tỉnh ủy Hưng Yên và kế hoạch số 102/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhằm đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, góp phần hoàn

thành các mục tiêu phát triển xã Đại Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xây dựng xã Đại Đồng trở thành xã có quy mô kinh tế và trình độ phát triển mạnh, thu nhập trung bình cao, cùng cả nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Yêu cầu

a) Xác định các nhiệm vụ cụ thể của từng phòng, ngành, đơn vị, địa phương, nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên giao.

b) Phát huy các nguồn lực, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ đề ra; tiến hành rà soát việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ hàng năm và định kỳ 01 năm, 05 năm tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá toàn diện việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ, giải pháp mới, đảm bảo đạt kết quả, hiệu quả trong quá trình triển khai nhằm đạt được các mục tiêu đã hoạch định, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

c) Việc thực hiện phải gắn với các Chương trình, Đề án, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Đến năm 2030

a) Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, đưa xã Đại Đồng thuộc nhóm có thu nhập cao hơn mức trung bình của tỉnh; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của tỉnh.

b) Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp phấn đấu đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt trên 80%.

c) Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn xã. Đẩy mạnh các hoạt động khai thác thương mại điện tử. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào xây dựng, phát triển, bảo tồn giá trị văn hóa, xã hội, phát triển con người Đại Đồng, hướng tới đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của cả nước.

d) Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

đ) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sắp xếp nguồn nhân lực đảm bảo có đủ số lượng, chất lượng cho công tác tham mưu về chuyển đổi số, triển khai, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

e) Ứng dụng có hiệu quả hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông siêu rộng; từng bước ứng dụng có hiệu quả công nghệ số như: Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, thông tin di động 5G, 6G và một số công nghệ mới nổi... Thu hút doanh nghiệp, công nghệ đầu tư, nghiên cứu, sản xuất trên địa bàn xã.

f) Thực hiện quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Cung cấp, kết nối, chia sẻ đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số, bảo đảm an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc; thuộc nhóm đầu toàn tỉnh về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương; thu hút tổ chức, doanh nghiệp công nghệ đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất trên địa bàn xã.

III. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 386-KH/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 102/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

b) Ban hành kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào "học tập số" thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

c) Ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

d) Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức.

đ) Thực hiện nền tảng số, công cụ số theo chỉ đạo của tỉnh để đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

e) Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ

quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

f) Phấn đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới đạt tỷ lệ tối thiểu 25%.

g) Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

h) Ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua "Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số" trong toàn xã để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; cụ thể hóa các quy định pháp luật phù hợp thực tiễn để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

b) Rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân lực thực hiện công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

c) Xây dựng, ban hành quy định về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

d) Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tuyên truyền, tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản của cấp trên về phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược.

b) Chú trọng tuyên truyền phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư và phát triển khoa học, công nghệ.

d) Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số.

đ) Triển khai tuyên truyền các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo.

e) Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

f) Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn xã.

g) Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số, công nghệ số, dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

h) Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội của xã. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu của địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Có cơ chế, chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng.

i) Thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai chính sách, cơ chế đặc thù, chính sách ưu tiên, đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc tốt, tập trung vào cán bộ có trình độ chuyên môn cao, cán bộ được giao phụ trách triển khai công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại địa phương.

b) Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo đến hết năm 2025, 100% cán bộ, công chức được đào tạo các kỹ năng số cơ bản, thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho mạng lưới tổ công nghệ số cộng đồng, qua đó, hỗ trợ kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Thực hiện tốt việc số hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn của tỉnh. Xây dựng, đề xuất phương án, kế hoạch, lộ trình cung cấp, thông tin về hoạt động của các cơ quan trong hệ

thống chính trị lên môi trường số, đảm bảo liên thông, đồng bộ, tránh để lộ, lọt bí mật Nhà nước.

b) Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai,...

c) Định hướng thực hiện phát triển văn hóa số trên cơ sở khai thác, vận dụng các ứng dụng số linh hoạt, phù hợp, hiệu quả (số hóa di sản, ...).

e) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

f) Thực hiện tuyên truyền danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đang hoạt động tại địa phương tham gia giải quyết.

g) Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin theo quy hoạch của tỉnh.

h) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

6. Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các doanh nghiệp, đơn vị, địa phương khác có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của địa phương.

7. Phát triển các Dịch vụ số, Công dân số, Văn hóa số

a) Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ số thiết yếu phục vụ người dân, trước mắt tập trung ưu tiên triển khai các dịch vụ số trong giáo dục, y tế và các lĩnh vực thiết yếu khác, chú trọng tới các nhóm yếu thế trong xã hội được tiếp cận dịch vụ số khi giải quyết thủ tục hành chính.

b) Hỗ trợ người dân được tiếp cận, nâng cao kỹ năng số, sử dụng các tài khoản số, phấn đấu đến năm 2026, tỷ lệ người dân có đầy đủ các yếu tố để trở thành công dân số ngày càng cao.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số trong văn hóa, nông nghiệp và phát triển nông thôn. Thực hiện số hóa di sản văn hóa, số hóa du lịch,..., tiến tới xây dựng văn hóa số cộng đồng, văn hóa ứng xử trên môi trường số, không gian mạng, đảm bảo phù hợp thuần phong mỹ tục và nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của quê hương, qua đó, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tích cực xây dựng các

sản phẩm văn hóa số chất lượng cao trên đa nền tảng mạng. Vận dụng linh hoạt, ứng dụng triển khai mô hình nông nghiệp thông minh, nông thôn số.

8. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a) Tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn các hệ thống thông tin quan trọng, triển khai các giải pháp kỹ thuật để nâng cao khả năng sao lưu, phục hồi, đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trọng yếu, nền tảng số, hạ tầng số.

b) Thường xuyên theo dõi, phát hiện, cảnh báo kịp thời các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng; có phương án, biện pháp hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh ngiệp và người dân phòng ngừa, ứng phó với sự cố an ninh mạng.

c) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về an toàn thông tin; tập huấn về kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và người dân khi tham gia các hoạt động trên môi trường số.

9. Danh mục nhiệm vụ giao các phòng, ngành, địa phương chủ trì, triển khai thực hiện.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ưu tiên bố trí nguồn lực về tài chính để đảm bảo triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này (đảm bảo tối thiểu 3% tổng chi ngân sách hàng năm) dành cho hoạt động phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Hằng năm trên cơ sở dự toán thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này do các phòng, ngành lập ngân sách Nhà nước ưu tiên bố trí để thực hiện. Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ngành, đơn vị liên quan

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân xã *(qua Phòng Văn hoá - Xã hội)* để tổng hợp, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ. Rà soát, bổ sung nhiệm vụ vào kế hoạch, chương trình công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị để thực hiện.

b) Rà soát, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của các cấp ủy Đảng, chính quyền đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch này, hoàn thành trong năm 2025.

2. Thủ trưởng các phòng, ngành, đơn vị, đoàn thể xã: Chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cơ quan, đơn vị được giao tại kế hoạch; tăng cường kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ 6 tháng và

hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân xã (*qua Phòng Văn hoá - Xã hội*) kết quả thực hiện, để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Phòng Văn hoá - Xã hội: chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, kịp thời báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân xã các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân xã thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phòng Kinh tế: Trên cơ sở dự toán do các phòng, ngành lập, có trách nhiệm tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; tham mưu Ủy ban nhân dân xã cân đối, bố trí vốn để triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch.

5. Công an xã: Chủ trì, chủ động các biện pháp, giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn, an ninh mạng, nhất là hệ thống thông tin trọng yếu; theo dõi, phát hiện sớm và cảnh báo kịp thời các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng; tập trung bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trên môi trường mạng; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND xã để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Ban Thường vụ Đảng uỷ;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ngành, đơn vị, đoàn thể xã;
- Các ông (bà) Trưởng thôn;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Chuẩn